

# THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Khái niệm: Là sắc thuế đánh vào **thu nhập chịu thuế** của các doanh nghiệp trong **kỳ tính thuế**

# Đặc điểm

- Là sắc thuế trực thu
- Phụ thuộc vào kết quả hoạt động SXKD của DN
- Là thuế khấu trừ trước thuế TNCN

# Mục tiêu

- Tạo nguồn thu cho NSNN
- Điều tiết hoạt động SXKD
- Kiểm soát thu nhập của tổ chức

# Người nộp thuế TNDN

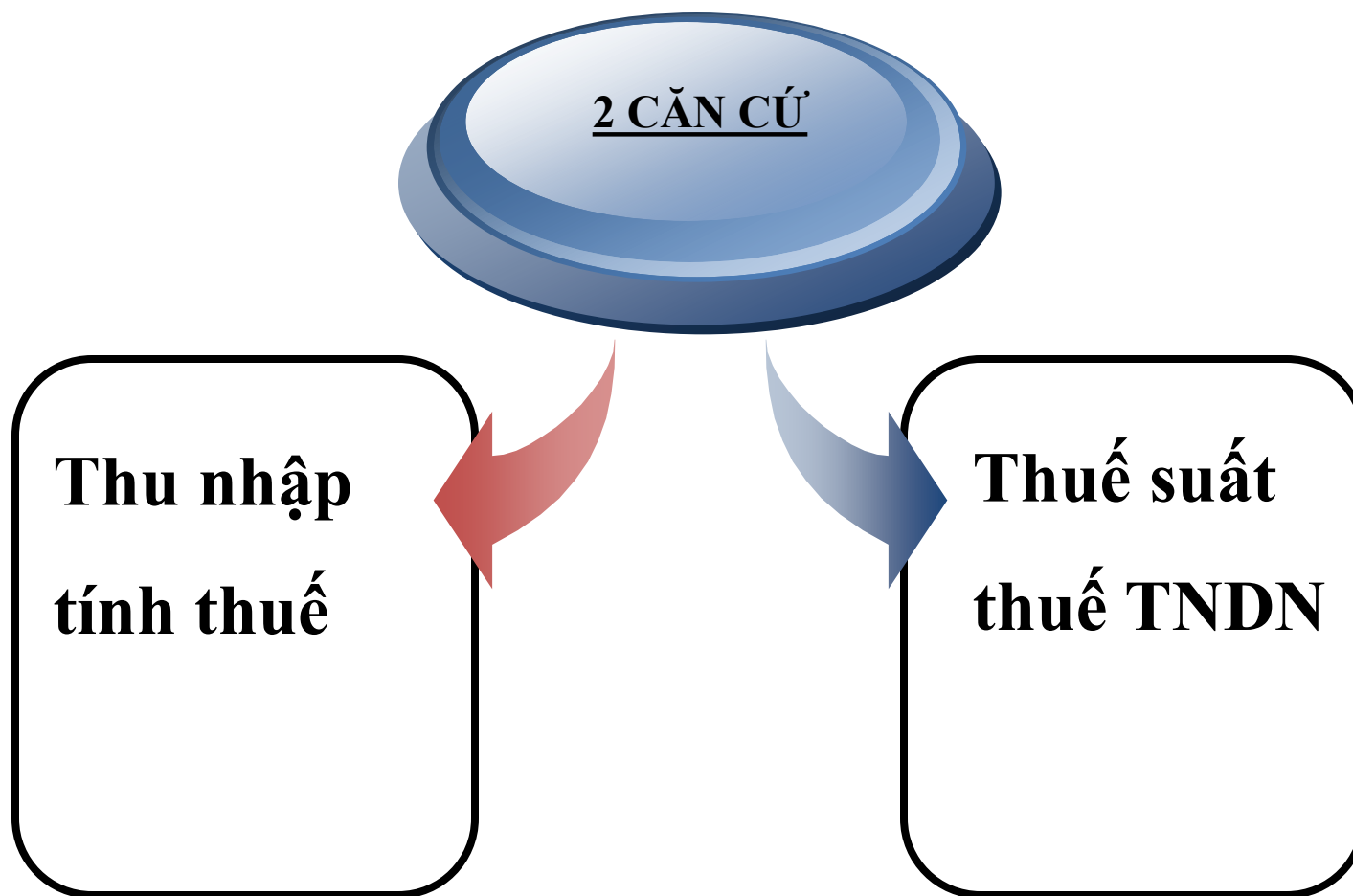
Tổ chức, DN Sản xuất kinh doanh có thu nhập là đối tượng nộp thuế TNDN (*Gọi chung là doanh nghiệp*)

- a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài; có thu nhập tại VN
- c) Hợp tác xã
- d) Đơn vị sự nghiệp
- đ) Tổ chức, đơn vị kinh tế khác

# Xác định người nộp thuế TNDN

1. Nhóm cá nhân kinh doanh
2. Tổ hợp tác kinh doanh hoạt động theo quy định của luật HTX
3. Đơn vị sự nghiệp công lập (của nhà nước)
4. Đài truyền hình Việt Nam
5. Bệnh viện hồng ngọc

## b, Căn cứ tính thuế TNDN



# Căn cứ tính thuế đối với DN có trích lập quỹ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

$$\begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{TNDN} \\ \text{phải} \\ \text{nộp} \end{array} = \left\{ \begin{array}{l} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{tính} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Phần trích lập} \\ \text{quỹ NCKH} \\ \text{và PTCN} \end{array} \right\} \times \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{suất} \\ \text{thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$



## Chú ý

- Điều 17: Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp
  - Doanh nghiệp VN được trích **tối đa 10%** thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của DN.

## (Điều 17-tiếp)

Trong thời **hạn 5 năm**, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ:

**Không được sử dụng**

**Sử dụng không hết 70%**

**Sử dụng sai mục đích**

**DN phải nộp NSNN phần:**

- + Thuế TNDN tính trên khoản TN đã trích lập quỹ (không sử dụng; sử dụng sai mục đích)
- + Lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó

1. Dùng không hết: lãi tính theo lãi suất TPKB kỳ hạn 1 năm
2. Dùng sai mục đích: lãi tính theo mức tiền phạt chậm nộp

# XÁC ĐỊNH THU NHẬP TÍNH THUẾ

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} - \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}$$

# *THU NHẬP CHỊU THUẾ*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập} & & & & \text{Chi phí} & & \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} & = & \text{Doanh thu} & - & \text{được trừ} & + & \text{khác} \end{array}$$

# <1> Doanh thu

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là

- Toàn bộ tiền bán hàng, cung ứng dịch vụ
- Các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp **được hưởng**



Không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

# THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH DOANH THU

- **Hàng hóa:** *thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua*
- **Dịch vụ:** *thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ*

# Thời điểm xác định doanh thu đối với dịch vụ

## **Trước 1/1/2015**

- Thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ
- hoặc thời điểm xuất hóa đơn

## **Từ 1/1/ 2015**

- Thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ
- hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ

# Lưu ý về doanh thu

- CSKD nộp thuế GTGT theo PPKT
  - ☐ Doanh thu không bao gồm thuế GTGT
- CSKD nộp thuế GTGT theo PPTT
  - ☐ Doanh thu bao gồm cả thuế GTGT



# Cách xác định doanh thu trong một số trường hợp cụ thể

- Hàng bán trả góp, trả chậm
  - ❑ *Xác định theo giá bán trả tiền **1 lần** không bao gồm lãi trả góp, trả chậm*
- Hoạt động đại lý
  - ❑ *Là toàn bộ tiền hoa hồng được hưởng*
- Trao đổi, tiêu dùng nội bộ
  - ❑ *Xác định theo giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương*
- Hoạt động tín dụng, cho thuê tài chính
  - ❑ *Là tiền lãi cho vay, doanh thu về cho vay tài chính phải thu trong kỳ*
- v.v

## Chú ý: doanh thu đối với hàng để cho, biếu, tặng

- ❑ Thuế GTGT: phải tính thuế theo giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương
- ❑ Thuế TNDN: không tính vào doanh thu

## <2> Chi phí được trừ

- Điều kiện: Trừ các khoản chi không được trừ (37 khoản), DN được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ điều kiện sau:
  - Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
  - Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật
  - Khoản chi nếu có **hóa đơn** mua HHDV từng lần với giá trị 20 trđ trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

# (1) KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

## ĐƯỢC TRỪ

- Dùng cho SXKD
- Đang trong thời gian trích KH
- Thuộc sở hữu của DN
- Đúng mức quy định
- Mức khấu hao ứng với NG từ 1,6 tỷ đ trở xuống với ô tô dưới 9 chỗ và tàu bay, du thuyền không dùng cho SXKD

## KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

- Không sử dụng cho SXKD
- Đã khấu hao hết
- Không chứng minh thuộc sở hữu DN
- Vượt mức quy định
- Phần vượt 1,6 tỷ đối với ô tô dưới 9 chỗ và tàu bay, du thuyền không KD
- Công trình trên đất, phần không sử dụng SXKD
- Không được quản lý theo dõi

# Ví dụ

- **Mua 1 xe ô tô 7 chỗ ngồi: nguyên giá 2,4 tỷ đồng, trở lãnh đạo DN đi tiếp khách. Thực hiện trích khấu hao 8 năm (theo phương pháp khấu hao đường thẳng)**
- $M_{kh} = 2,4 \text{ tỷ đ} / 8 \text{ năm} = 300 \text{ triệu}$
- $M_{kh} = 1,6 \text{ tỷ} / 8 \text{ năm} = 200 \text{ triệu}$  (được trừ)
- $M_{kh} = (2,4 - 1,6) \text{ tỷ} / 8 \text{ năm} = 100 \text{ triệu}$  (không được trừ)

# LƯU Ý

- TSCĐ sử dụng phục vụ cho người LĐ tại cơ sở KD: nhà để xe, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, trạm y tế, xe đưa đón người LĐ, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do CSKD đầu tư XD **được trích KH tính vào CP được trừ**

## (2 ) CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU

- *Được trừ theo định mức tiêu hao thực tế và trị giá thực tế xuất kho NVL*
- Định mức tiêu hao vật tư do doanh nghiệp tự xác định
- Đối với vật tư đã được nhà nước ban hành định mức thì định mức tiêu hao theo quy định

# Lưu ý khi tính trị giá vật tư xuất kho, nhập kho

1. CSKD nộp thuế GTGT khấu trừ: giá vật tư không bao gồm thuế GTGT của vật tư mua vào
2. CSKD nộp thuế GTGT trực tiếp, hoạt động SXKD không chịu thuế GTGT: giá vật tư bao gồm cả thuế GTGT của vật tư mua vào



# CHI PHÍ VẬT TƯ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

- Vật tư tiêu hao không dùng cho SXKD trong kỳ
- Vượt định mức đối với trường hợp Nhà nước ban hành định mức
- Phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác do tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định của pháp luật
- Không lập bảng kê hoặc không có chứng từ thanh toán (đối với trường hợp được lập bảng kê như thu mua mây, tre, cói do người nông dân trực tiếp bán ra; thu mua đồ thủ công mỹ nghệ, đất, đá, cát, sỏi... của người dân tự khai thác)

### *(3) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất như tiền lương, tiền công*

- Tính vào chi phí được trừ theo số phải trả trên hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế chi tiêu nội bộ của doanh nghiệp

# Các khoản đóng góp **bảo hiểm bắt buộc**, trích theo lương: tối đa 23,5%

	BHXH	BHYT	BHTN	Kinh phí công đoàn	35%
DN	17,5%	3%	1%	2%	23,5%
NLĐ	8%	1,5%	1%	-	10,5%
NN	-	-	1%	-	1%

# TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

- Không có chứng từ hoặc thực tế không chi
- Thường không mang tính chất tiền lương, không thể hiện trong hợp đồng, thoả ước LĐ tập thể; Thường sáng kiến cải tiến không có hội đồng nghiệm thu
- Thực tế chưa chi đến thời điểm quyết toán thuế năm
  - ❑ (Lưu ý trong trường hợp DN có lập quỹ dự phòng)
- Tiền lương của chủ DN tư nhân, chủ C.Ty TNHH 1 thành viên
- Thù lao của các sáng lập viên, thành viên HĐ thành viên, HĐQT/Trị không trực tiếp tham gia điều hành SXKD

## Ví dụ: trích dự phòng lương

Tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động theo chế độ quy định là 1.100 triệu đồng. Hết thời hạn quyết toán thuế, doanh nghiệp đã trả toàn bộ tiền lương, tiền công cho người lao động. Trong đó, có 100 triệu đồng là chi từ quỹ dự phòng trả lương đúng quy định từ năm trước nhằm đảm bảo trả lương ổn định cho quý 1 năm nay. Đồng thời, cuối năm doanh nghiệp thực hiện trích quỹ dự phòng trả lương là 200 triệu đồng. Chi phí tiền lương được trừ là:

a. 1.100

**b. 1.170**

c. 1.000

d. 1.200

## Ví dụ: trích dự phòng tiền lương

- Số tiền lương đã chi trả trong năm quyết toán thuế là 2.100. Quỹ dự phòng tiền lương năm trước đã trích lập là 200; Năm nay doanh nghiệp sử dụng dự phòng 100. Trong năm doanh nghiệp trích dự phòng tiền lương cho năm sau là 580. Xác định chi phí tiền lương được trừ
- Không được trừ:  $100 + (380 - 17\% * 2000 - 100) = 240$
- Được trừ:  $(2.100 + 380) - 240 =$

# Ví dụ: trích dự phòng tiền lương

- Số tiền lương đã chi trả trong năm quyết toán thuế là 2.100. Trong đó, 100 là chi ra từ quỹ dự phòng tiền lương của năm trước chi trong năm nay. Trong năm doanh nghiệp trích dự phòng tiền lương cho năm sau là 380. Xác định chi phí tiền lương được trừ
- Không được trừ:  $100 + (380 - 17\% \times 2000)$
- Được trừ: 2.000

## **Định mức chi phí được trừ đối với một số khoản chi cho con người**

1. Trang phục: nếu chi **bằng tiền**, mức chi được trừ tối đa 5 trđ/1 người/1 năm
2. Bảo hiểm bắt buộc: được trừ tối đa 23,5% quỹ lương
3. Trích lập quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, ghi cụ thể mức và điều kiện hưởng trong HĐLĐ, tối **đa 3 triệu/người/tháng**
4. Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: hiếu, hỷ, chi nghỉ mát, hỗ trợ điều trị, bổ sung kiến thức, hỗ trợ thiên tai địch họa, khen thưởng cho con em người lao động có thành tích học tập tốt và các khoản chi có tính chất phúc lợi khác vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp



## Ví dụ chi phúc lợi

- Tổng chi cho con người 2.500. trong đó 100 là chi từ quỹ dự phòng tiền lương của năm trước chi trong năm nay. Năm nay doanh nghiệp trích dự phòng tiền lương 500. Chi phúc lợi trực tiếp cho người lao động 500
- Không được trừ
  - ❑ Dự phòng năm trước chi trong năm nay: 100
  - ❑ Dự phòng lương trích vượt mức:  $500 - 2.400 \times 17\%$
  - ❑ Chi phúc lợi vượt mức:  $(500 - 2.400/12)$

#### **(4) TÀI TRỢ: đúng mục đích, đúng đối tượng, có hóa đơn chứng từ**

- Chi tài trợ giáo dục: CSVN, hoạt động thường xuyên của trường học; học bổng, tài trợ cho các cuộc thi...
- Chi tài trợ y tế: thiết bị, dụng cụ y tế; thuốc; hoạt động thường xuyên của cơ sở y tế; tài trợ cho người bệnh
- Chi tài trợ khắc phục thiên tai
- Chi tài trợ làm nhà tình nghĩa cho người nghèo, người có công theo quy định

# Chi tài trợ không được trừ

- Tài trợ sai mục đích
- Tài trợ sai đối tượng
- Tài trợ không có hóa đơn, chứng từ (biên bản nhận tài trợ)

## 5. Chi NCKH, tài trợ – Không được trừ

- Kinh phí NCKH do Nhà nước cấp
- Chi tài trợ **không đúng mục đích, đối tượng và không đủ chứng từ**

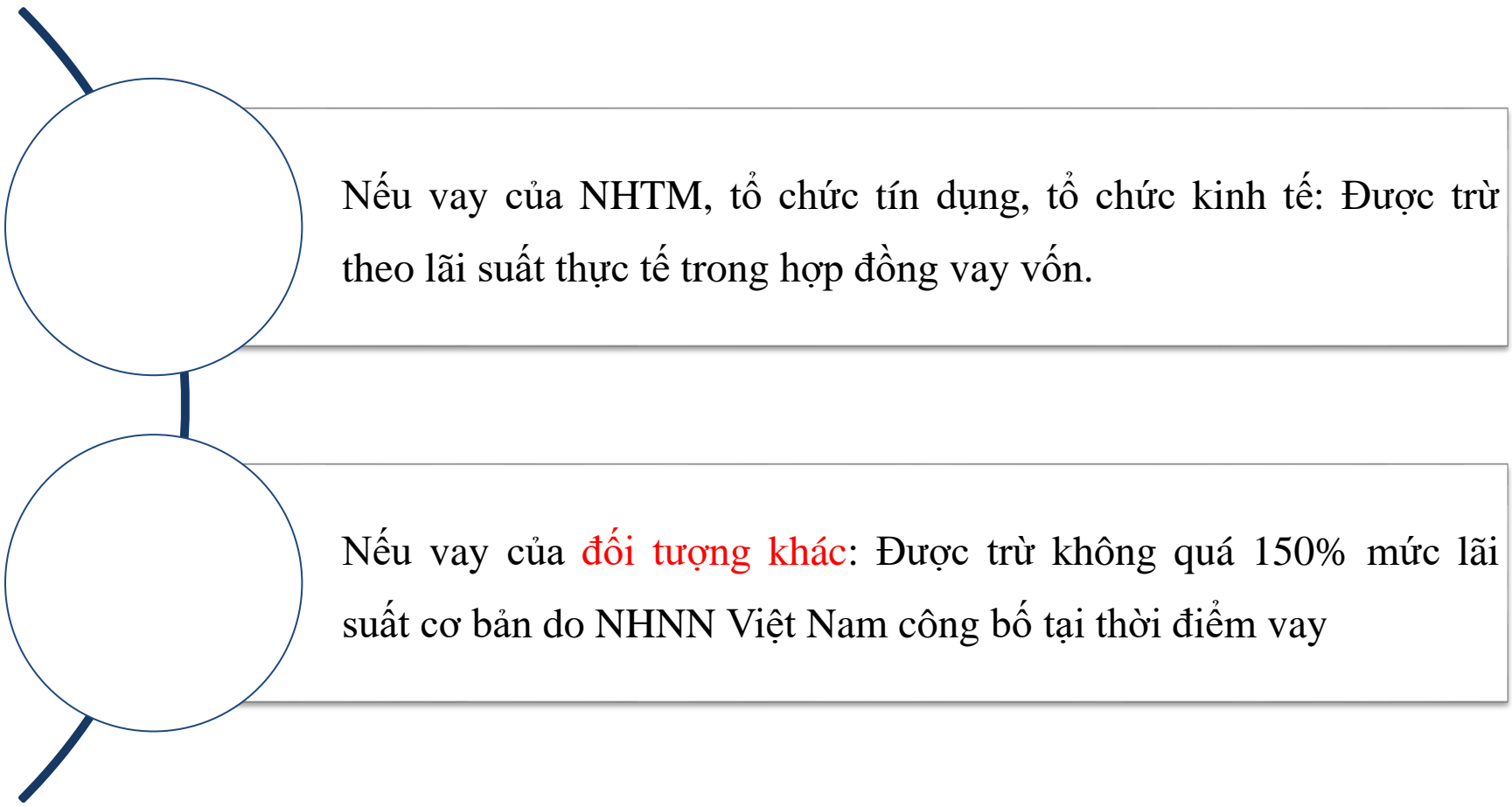
## 6. Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Điện, nước, điện thoại, vp phẩm...
- CP liên quan tài sản: chi mua và sử dụng tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, giấy phép chuyển giao công nghệ: **phân bổ không quá 3 năm**
- Tiền thuê TSCĐ trả trước nhiều năm: phân bổ theo số năm trả trước;
- Công tác phí: đi lại, ăn ở...
- Phụ cấp tàu xe nghỉ phép theo chế độ
- CP DV mua ngoài khác

# Dịch vụ mua ngoài không được trừ nếu

- Tiền điện, nước không đủ chứng từ
- CP thuê TSCĐ vượt quá mức phân bổ
- Phụ cấp tàu xe nghỉ phép không đúng quy định

## 7. Chi trả lãi tiền vay vốn SXKD được trừ



Nếu vay của NHTM, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế: Được trừ theo lãi suất thực tế trong hợp đồng vay vốn.

Nếu vay của **đối tượng khác**: Được trừ không quá 150% mức lãi suất cơ bản do NHNN Việt Nam công bố tại thời điểm vay

# Chi phí lãi vay

## Không được trừ

- Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn SXKD của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% LSCB do NHNN VN công bố tại thời điểm vay
- Lãi vay ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ DN. Chi trả lãi tiền vay trong quá trình đầu tư đã được ghi nhận vào giá trị tài sản, giá trị công trình đầu tư.



## Lưu ý

- Nếu doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ, trong quá trình kinh doanh có khoản chi trả lãi tiền vay để **đầu tư vào DN** khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ.
- => Khuyến khích DN đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh

# Ví dụ chi phí lãi vay

- Trả lãi vay vốn sản xuất kinh doanh vay của NHTM A với lãi suất 15%/năm:  
1.500
  - LSCB 6%/năm. Công ty còn thiếu vốn điều lệ theo tiến độ góp vốn là 500
- Xác định chi phí lãi vay được trừ. Biết thời gian góp vốn điều lệ còn thiếu là 1 năm.

## 8. Chi trích lập dự phòng

- Trích vào cuối kỳ
- Tính vào chi phí được trừ: số trích lập theo qui định trong kỳ
- Trường hợp có **hoàn nhập dự phòng**: điều chỉnh giảm chi phí được trừ tương ứng.

## 9. Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp khách, khánh tiết.....

### Quy định cũ

Được trừ không quá 15% tổng chi phí

### Quy định mới

- Không quy định định mức
- Được trừ theo số phát sinh có đủ hóa đơn, chứng từ.

## 10. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế

### **Được trừ**

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản **nợ phải trả** có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế

### **Không được trừ**

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản **nợ phải thu** có gốc ngoại tệ

## 11. Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp NSNN – được trừ

Bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất phải nộp

Thuế TTĐB đối với HH, DV bán ra hoặc là số thuế TTĐB còn phải nộp (sau khi khấu trừ thuế TTĐB ở khâu NK/mua vào)

Thuế GTGT gồm:

Thuế GTGT của cơ sở nộp thuế theo PP trực tiếp

Thuế GTGT đầu vào của HH, DV xuất khẩu không đủ ĐK để khấu trừ, hoàn thuế (trừ thuế GTGT của hóa đơn trên 20tr trả tiền mặt)

Thuế GTGT đầu vào quá thời hạn được kê khai, khấu trừ

v. v

# Các khoản thuế, lệ phí và các khoản phải nộp NSNN - KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

- Tiền phạt vi phạm hành chính
- Thuế GTGT của CSKD nộp theo PP khấu trừ đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế
- Thuế TNDN
- Thuế TNCN
  - ❑ TH1: HĐLĐ ghi rõ tiền lương chưa bao gồm thuế TNCN => thuế TNCN được trừ
  - ❑ TH2: HĐLĐ ghi rõ là tiền lương đã bao gồm thuế TNCN => Thuế TNCN không được trừ

*12. Chi phí quản lý kinh doanh do công ty ở nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam*

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{kinh doanh do} \\ \text{công ty ở nước} \\ \text{ngoài phân bổ cho} \\ \text{cơ sở thường trú} \\ \text{tại Việt Nam} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Doanh thu của cơ sở} \\ \text{thường trú tại Việt Nam} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu chung của} \\ \text{công ty ở nước ngoài bao} \\ \text{gồm cả DT của cơ sở} \\ \text{thường trú ở nước \#} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý kinh} \\ \text{doanh chung} \\ \text{của toàn} \\ \text{công ty} \end{array}$$



# 13. Chi phí khác không được trừ

- Chi bằng nguồn kinh phí khác
- Chi từ quỹ Phát triển KH và CN của DN
- Chi đầu tư XD CB hình thành TSCĐ
- Chi mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf
- **Chi nộp phạt vi phạm hành chính**
- Chi ủng hộ các tổ chức XH ngoài DN; chi từ thiện (trừ tài trợ giáo dục, y tế, khắc phục thiên tai, người nghèo)
- Chi đóng góp hình thành nguồn kinh phí quản lý cho cấp trên

## Tổng hợp: Các khoản chi quy định mức khống chế tối đa được trừ

- **Khấu hao** xe ô tô dưới 9 chỗ, tàu bay – du thuyền có NG lớn hơn 1,6 tỷ (không KD dịch vụ du lịch – lữ hành – vận chuyển hành khách)
- Chi cho con người
  - ☐ Bảo hiểm bắt buộc: 23,5%
  - ☐ Tự nguyện: BHNT, BH hưu trí tự nguyện, quỹ hưu trí tự nguyện: 3 tr/người/tháng (điều kiện hưởng, mức hưởng trong Hợp đồng LĐ)
  - ☐ Trang phục bằng tiền: 5tr/người/năm
  - ☐ Phúc lợi chi trực tiếp cho NLĐ: 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm toàn doanh nghiệp
- Lãi vay
  - ☐ Vay đối tượng không phải NH, TCTD, TC kinh tế: 150% LSCB
- Quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết, nghiên cứu thị trường...: theo số thực tế trên hóa đơn
- Quỹ dự phòng tiền lương: 17% quỹ lương thực hiện

# Tóm lại

- Chi phí được trừ phải tuân thủ nguyên tắc: thực tế phát sinh dùng cho SXKD trong kỳ, đủ hóa đơn chứng từ, mức chi đúng qui định; thanh toán không dùng tiền mặt theo qui định
- Chi phí không được trừ là chi phí không đáp ứng 1 trong 3 điều kiện nêu trên (trừ một số trường hợp đặc biệt)

# Thu nhập khác (23 khoản)

- thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn;
- thu nhập từ chuyển nhượng BĐS, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản, kể cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;
- thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá;
- thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ;
- khoản thu từ nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản thu từ nợ phải trả không xác định được chủ;
- khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác,
- Thu nhập từ liên doanh, liên kết trong nước

# Thu nhập khác

➤ *Một số khoản cần lưu ý:*

- **Chênh lệch thu phạt và bị phạt vi phạm HĐKT**

+ Nếu DN có khoản thu về tiền phạt phát sinh cao hơn khoản chi tiền phạt sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại tính vào thu nhập khác.

+ Nếu DN có khoản thu về tiền phạt phát sinh thấp hơn khoản chi tiền phạt, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại tính giảm trừ vào thu nhập khác.

Trường hợp đơn vị trong năm không phát sinh thu nhập khác thì được giảm trừ vào thu nhập hoạt động SXKD.

# Thu nhập khác về lãi vay, lãi tiền gửi

## ➤ Chênh lệch thu lãi tiền vay, chi lãi tiền vay

☐ Thu  $>$  chi: tính chênh lệch vào TN khác

☐ Thu  $<$  chi: tính giảm thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh.

# Thu nhập khác từ thanh lý, chuyển nhượng tài sản, góp vốn

*Một số khoản cần lưu ý:*

- TN từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản (DT- giá trị còn lại - chi phí chuyển nhượng)
- TN từ các hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh liên kết trong nước

## Lưu ý quan trọng

- **TN từ hoạt động SXKD ở nước ngoài:** không tính vào thu nhập khác

TH 1: Thu nhập chuyển về từ quốc gia chưa ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Chính phủ VN

+ số thuế đã nộp ở nước ngoài (hoặc đáng lẽ phải nộp ở nước ngoài)  $\geq$  số thuế phát sinh ở VN (theo thuế suất phổ thông): DN không cần phải nộp ở VN

+ số thuế đã nộp ở nước ngoài  $<$  số thuế phát sinh ở VN (theo thuế suất phổ thông): DN phải nộp bổ sung số còn thiếu tính theo pháp luật VN

TH 2: Thu nhập chuyển về từ quốc gia đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Chính phủ VN: thực hiện theo nội dung của Hiệp Định

- **Thuế suất** thuế TNDN để tính và khai thuế đối với các khoản TN từ nước ngoài hiện nay: 20%



# Thu nhập được miễn thuế

- Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản, thủy hải sản, sản xuất muối của HTX, của DN ở địa bàn có điều kiện KT – XH đặc biệt khó khăn, theo quy định
- Thu từ thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp trong nông nghiệp
- Thu từ hợp đồng NCKH, PTCN theo quy định, không quá 3 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng
- Thu từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở VN, thời gian miễn thuế không quá 5 năm kể từ khi có doanh thu
- Thu từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định.
- Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế
- Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.
- ...

# Cần hiểu rằng

- Trong công thức: Thu nhập tính thuế = thu nhập chịu thuế - thu nhập được miễn thuế - lỗ được kết chuyển
- Thu nhập miễn thuế là một phần của thu nhập chịu thuế. Tức là, nó phải nằm trong:
  - ❑ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (xác định = doanh thu – chi phí được trừ)
  - ❑ Hoặc thuộc thu nhập khác

## Xác định lỗ và chuyển lỗ

- Lỗ là số chênh lệch âm (-) về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang
- Trừ số lỗ vào TNCT của năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ liên tục không quá 5 năm KỂ TỪ NĂM SAU NĂM PHÁT SINH LỖ
- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư sau khi đã thực hiện bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động này nếu còn lỗ và doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó, thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

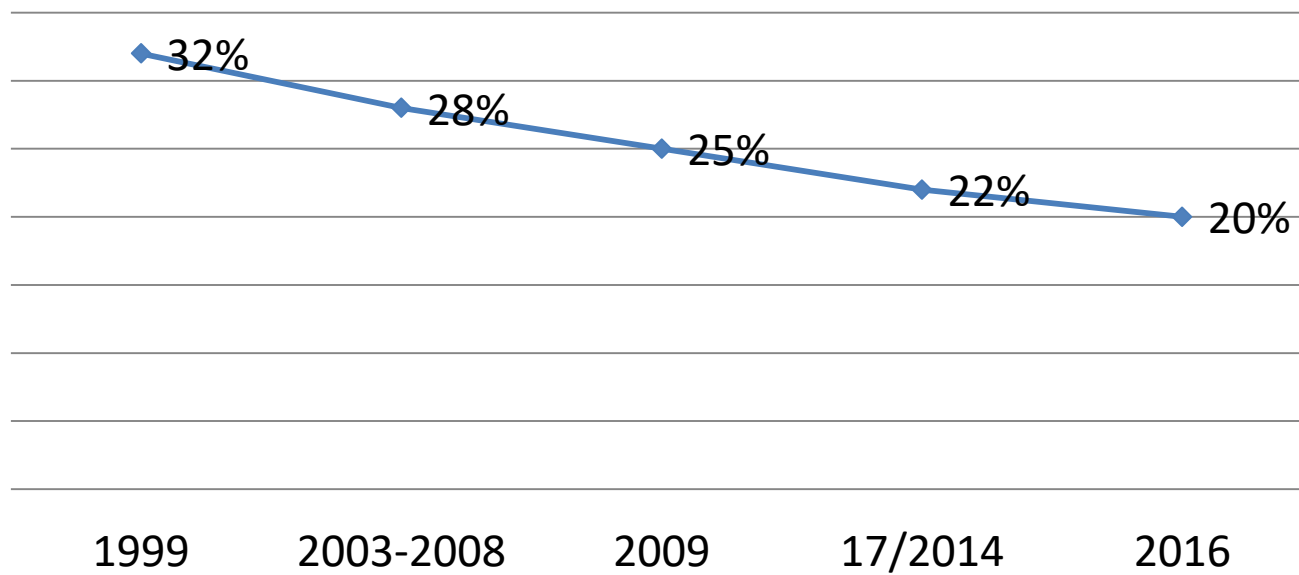
## Chuyển lỗ

- Thời gian chuyển lỗ liên tục không quá 5 năm **KÊ TỪ NĂM SAU NĂM PHÁT SINH LỖ**
- Trong thời gian chuyển lỗ bị lỗ thì số lỗ phát sinh được chuyển 5 năm tiếp theo

## THUẾ SUẤT THUẾ TNDN

- Mức thuế suất phổ thông từ 1/1/2016: 20%
- Thuế suất đối với CSKD tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm: 32-50%.
- Thuế suất ưu đãi: 10%, 15%

## Thuế suất thuế TNDN



# Kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế

## **Kê khai**

- Không phải kê khai thuế tndn hàng quý (trước bắt buộc phải kk)
- Khai quyết toán năm, chậm nhất 31/3 năm kế tiếp

## **Nộp thuế**

- Tạm nộp thuế hàng quý, chậm nhất không quá ngày 30 của quý kế tiếp.

## **Quyết toán thuế**

- Quyết toán năm hoặc quyết toán khi chia tách, giải thể, phá sản, M&A.
- Nếu quyết toán năm: kết thúc năm tài chính, cơ sở KD phải quyết toán thuế, thời hạn nộp tờ khai quyết toán: Không quá 90 ngày, từ khi kết thúc năm Tài chính.

# Ưu đãi thuế

- Điều kiện ưu đãi thuế TNDN
- Thuế suất ưu đãi và thời gian áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi.



# Nguyên tắc ưu đãi thuế TNDN

- ❑ Hạch toán riêng từng hoạt động được ưu đãi
- ❑ Một khoản thu nhập đáp ứng nhiều điều kiện ưu đãi, doanh nghiệp được chọn ưu đãi có lợi nhất
- ❑ Được bù trừ lãi – lỗ giữa hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi và không ưu đãi (trừ bất động sản)
- ❑ Không áp dụng ưu đãi đối với:
  - Thu nhập ngoài địa bàn ưu đãi
  - Doanh nghiệp thành lập mới do: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, chuyển đổi sở hữu
  - Thu nhập khác
- ❑ Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.”

# Hình thức ưu đãi thuế TNDN

- ❑ **Thuế suất:** thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động ưu đãi
  - 17% áp dụng trong 10 năm/ suốt thời gian hoạt động
  - 15% .....
  - 10% áp dụng trong 15 năm \*/ suốt thời gian hoạt động
- ❑ **Miễn – Giảm:** miễn giảm thuế TNDN được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu thì tính từ năm thứ 4
  - Miễn 04 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (TN từ DADT mới ...)
  - Miễn 04 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 05 năm tiếp theo (TN từ DADT mới trong lĩnh vực xã hội hóa ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn)
  - Miễn 02 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 04 năm tiếp theo (TN từ DADT khoảng 4, điều 19 và DADT mới tại khu công nghiệp)

# Ưu đãi

Đối tượng	Thuế suất	Miễn – Giảm
Địa bàn đặc biệt khó khăn	10% - 15 năm	4 – 9
Khu kinh tế - Khu công nghệ cao	10% - 15 năm	4 – 9
Công nghệ cao, nghiên cứu KH, phát triển CN	10% - 15 năm	4 – 9
Sản xuất sản phẩm phần mềm	10% - 15 năm	4 – 9
Công trình cơ sở hạ tầng	10% - 15 năm	4 – 9
Xã hội hóa địa bàn ưu đãi	10%	4 – 9
Xã hội hóa	10%	4 – 5
Hoạt động xuất bản	10%	
Địa bàn khó khăn	17%% - 10 năm	2 – 4
HTX dịch vụ NN; Quỹ tín dụng ND, TC vi mô	17%	